TOÀ □N NHÂN DÂN
THÀNH PH□ HÀ N□I

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
□□C L□P - T□ DO- H□NH PH□C

Số: 350/2020/DS-PT
Ngày: 01/9/2020
V/v: *"Đòi nhà, đất cho ở nhờ"*

NHÂN DANH
NƯ□C C□NG HĐA X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TĐA □N NHÂN DÂN THÀNH PH□ HÀ N□I

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngVũ Toàn Giang
Các Thẩm phán: Ông Đinh Như Lâm
Ông Trương Chí Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền —Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Mai Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2018/TLPT-DS ngày 25/12/2018 về việc "Đòi nhà, đất cho ở nhờ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2015/DSST ngày 18/8/2015 của TAND Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội bị kháng cáo và bản án dân sự phúc thẩm số 214/2015/DSST ngày 17/11/2015 của TAND thành phố Hà Nội bị kháng nghị Giám đốc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐ-PT ngày 22/01/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Chu Quảng C- , sinh năm 1948, cư trú: số 05 phố Quang Trung, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

2. Ông Chu Tam Nông, sinh năm 1944, cư trú: số 06/01 phố Quang Trung, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

3. Ông Chu Hải Học, sinh năm 1937, cư trú: thôn Thịnh Phú, xã Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phốHà Nội

(Ông C- , ông Học, ông Nông là con của vợ chồng cụ Chang, cụ Tâm (Cụ Tâm là vợ thứ nhất của cụ Chang);

4. Anh Nguyễn Ngọc Bảo, sinh năm 1957, cư trú: khu Bắc Giáp, thị trấn H- ng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;

5. Anh Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1962, cư trú: khu Tân H- ng, thị trấn H- ng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;

6. Chị Nguyễn Thị Đào, sinh năm 1957

7. Chị Nguyễn Thị Băng, sinh năm 1964

8. Chị Nguyễn Thị Tin, sinh năm 1970

9. Anh Nguyễn Huy Ph- ợng, sinh năm 1966

Đều cư trú: khu 05, xã Th- ợng Nông, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

(Anh Hùng, anh Bảo, chị Đào, chị Băng, chị Tin, anh Ph- ợng là con của vợ chồng bà Chu Thị Qui (đã chết), ông Nguyễn Văn Bàng (đã chết); bà Qui là ng- ời con duy nhất của cụ Nguyễn Thị Chợ (đã chết), cụ Chợ là vợ thứ hai của cụ Chu Văn Chang);

10. Anh Chu Văn Hiệp, sinh năm 1952, cư trú: số 03/02 Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

11. Chị Chu Thị Dung, sinh năm 1962, cư trú: số 31 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

12. Anh Chu Quang Tuấn, sinh năm 1964, cư trú: số 33 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

13. Chị Chu Thị Khanh, sinh năm 1968, cư trú địa chỉ: số 58 phố Hàng, ph- ờng Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

14. Chị Chu Thị H- ơng, sinh năm 1966, cư trú: số 26 Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

15. Anh Chu Văn Hùng, sinh năm 1973, cư trú: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

16. Chị Chu Thị Nga, sinh năm 1974, cư trú: số 37 Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

(Anh Hiệp, chị Dung, anh Tuấn, chị Khanh, chị H- ơng, anh Hùng, chị Nga đều là con của vợ chồng ông Chu Văn Sỹ (đã chết), bà Phùng Thị Đào (đã chết); ông Chu Văn Sỹ là con đẻ cụ Tâm, cụ Chang);

17. Anh Nguyễn Văn Thông, sinh năm 1951, cư trú: phòng 533, nhà C10, tập thể Thành Công, ph- ờng Thành Công, quận Ba Đình, thành phốHà Nội;

(Anh Thông là con của vợ chồng bà Chu Thị Thành (đã chết), ông Nguyễn Văn Gia (đã chết); bà Chu Thị Thành là con đẻ cụ Tâm, cụ Chang; ông Gia là chồng thứ nhất của bà Thành);

18. Anh Lê Văn Tiến, sinh năm 1971

19. Chị Lê Thị Lan, sinh năm 1974

20. Chị Lê Thị Sinh, sinh năm 1961

21. Chị Lê Thị Ngọc, sinh năm 1966

Đều cư trú: thôn An Thái, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phốHà Nội;

22. Chị Lê Thị Hoa, sinh năm 1964,cư trú: thôn Ngọc Nhị, xã Cẩm Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phốHà Nội;

(Anh Tiến, chị Lan,chị Sinh, chị Ngọc, chị Hoa là con đẻ của vợ chồng bà Chu Thị Thành (đã chết), ông Lê Văn Thử (đã chết); ông Thử là ng- ời chồng thứ hai của bà Thành);

23. Chị Chu Thị Thanh Hằng, sinh năm 1990, cư trú: số 03 Phùng Khắc Khoan, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

24. Anh Chu Quang Mạnh, sinh năm 1986, cư trú: Ái Mỗ, ph- ờng Trung H- ng, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

(Chị Hằng, anh Mạnh là con của vợ chồng ông Chu Quang Minh (đã chết), bà Lê Thị Thảo; ông Minh là con ông Sỹ);

25. Anh Chu Quang Hoàn, sinh năm 1994, cư trú: số 10/06 Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

26. Anh Chu Quang Huy, sinh năm 1984, cư trú: số 10/06 Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

(Anh Hoàn, anh Huy là con của vợ chồng ông Chu Quang Hòa (đã chết), bà Nguyễn Thị Ph- ợng (đã chết); ông Hòa là con ông Sỹ);

27. Chị Chu Thị Thu, sinh năm 1982, cư trú: số 82 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;

28. Chị Chu Thị Huyền, sinh năm 1980, cư trú: số 246 Trần Phú, ph- ờng Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

29. Chị Chu Thị Thanh, sinh năm 1979, cư trú: số 06/01 phố Quang Trung, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

30. Anh Chu Quang Dũng, sinh năm 1977, cư trú: số 119 phố Phùng Khắc Khoan, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội;

(Chị Thu, chị Huyền, chị Thanh, anh Dũng là con vợ chồng ông Chu Văn Bình (đã chết), bà Kiều Thị V- ợng (đã chết); ông Bình là con ông Sỹ);

31. Chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1966, cư trú: tổ dân phố 02, Ai Mỗ, ph- ờng Trung H- ng, thị xã Sơn Tây, thành phốHà Nội (là vợ ông Minh);

32. Chị Nguyễn Thị Ph- ơng, sinh năm 1961, cư trú: số 10/06 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (là vợ ông Hòa).

Tất cả đều ủy quyền cho ông Chu Quảng C- .

Bị đơn:

1. Ông Chu Ngọc Thìn, sinh năm 1952 (đã chết ngày 25/8/2013)

2. Bà Nguyễn Thị Tùng, sinh năm 1958 (đã chết ngày 26/11/2014)

Đều có địa chỉ: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

a. <u>Ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Chu Ngọc Thìn</u>:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1954 (là vợ ông Thìn)

2. Anh Chu Quang Anh, sinh năm 1981, cư trú: thôn Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận;

3. Anh Chu Anh Dũng, sinh năm 1984

4. Anh Chu Quang Thanh, sinh năm 1981

5. Chị Chu Thị Lan H- ơng, sinh năm 1986

(Đều là con của ông Thìn và đều ủy quyền cho bà Chu Thị Tuyết Mậu, sinh năm 1948)

Đều cư trú: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

b. <u>Ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Tùng</u>:

1. Ông Nguyễn Quang Trung, sinh năm 1957

2. Chị Nguyễn Thu Thủy, sinh năm 1990

3. Chị Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1997

(Ng- ời đại diện hợp pháp cho chị Linh: Ông Nguyễn Quang Trung (là bố đẻ)

Đều cư trú: số 02/04 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

4. Anh Đỗ Nguyên Chúc, sinh năm 1980, cư trú: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

c. Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Phía bên ông Chu Ngọc Thìn:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1954 (là vợ ông Thìn)

Trú tại: Số nhà 2, ngách 14, ngõ 143 tổ 53 thôn Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

2. Anh Chu Anh Dũng, sinh năm 1984

3. Chị Tạ Thị Thu Thủy, sinh năm 1988 (là vợ anh Dũng)

4. Anh Chu Quang Thanh, sinh năm 1981

5. Chị Vũ Thị Lâm, sinh năm 1983 (là vợ anh Thanh)

6. Chị Chu Thị Lan H- ơng, sinh năm 1986

7. Cháu Chu Anh Đức, sinh ngày 05/7/2011(là con của anh Dũng, chị Tạ Thị Thủy; ng- ời đại diện theo pháp luật cho cháu Đức là anh Chu Anh Dũng, bố đẻ)

8. Cháu Chu Thanh Thảo, sinh ngày 04/04/2007

9. Cháu Chu Vũ Thảo Linh, sinh ngày 04/03/2012

10. Cháu Chu Vũ Bảo An, sinh ngày 26/01/2015

(Đều là con anh Thanh, chị Lâm; ng- ời đại diện hợp pháp theo pháp luật cho cháu Thảo, cháu Linh, cháu An là anh Thanh, bố đẻ)

11. Cháu Chu Thiên Bảo, sinh ngày 27/04/2010 (là con anh Chu Quang Anh, chị Trần Thị Thanh Thủy; ng- ời đại diện hợp pháp cho cháu Bảo là anh Chu Quang Anh)

Đều cư trú: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

12. Anh Chu Quang Anh, sinh năm 1983

13. Chị Trần Thị Thu Thủy, sinh năm 1988 (là vợ anh Chu Quang Anh)

Đều cư trú: Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận

Tất cả đều ủy quyền cho bà Chu Thị Tuyết Mậu, sinh năm 1948, cư trú: khu tập thể Vật liệu xây dựng, phố Trạng Trình, ph- ờng Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

14. Bà Chu Thị Tuyết Mậu, sinh năm 1948, cư trú: số nhà 3, khu tập thể Vật liệu xây dựng, phố Trạng Trình, ph- ờng Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

15. Bà Chu Thị Minh Dần, sinh năm 1950, cư trú: số 12, ngõ 162/29 Lê Trọng Tấn, ph- ờng Kh- ơng Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

16. Bà Chu Thị Mùi, sinh năm 1955, cư trú: nhà E5, phòng 115, ph- ờng Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

17. Bà Chu Thị Thơm, sinh năm 1961, cư trú: phố Hàng, ph- ờng Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

(Bà Mậu, bà Dần, bà Mùi, bà Thơm, bà Hiền uỷ quyền cho ông Trương Tiến Hùng, trú tại: Căn hộ 2414 toà nhà VP6 khu đô thị Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

18. Bà Đỗ Thị Sửu, sinh năm 1936 (là con riêng của cụ Sơn), cư trú: số nhà 12 phố Cầu Trì, ph- ờng Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội; bà Sửu đã chết ngày 21/6/2017.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Sửu:

18.1/ Bà Nguyễn Minh Thông, sinh năm 1958

18.2/ Bà Nguyễn Minh Tân, sinh năm 1961

Đều trú tại: 90 Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Tân là bà Chu Thị Tuyết Mậu*(theo giấy uỷ quyền ngày 14/6/2019)*

18.3/ Bà Nguyễn Thị Minh

Trú tại: số nhà 12 phố Cầu Trì, ph- ờng Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

18.4/ Ông Nguyễn Gia Long

Trú tại: 96 Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

18.5/ Bà Nguyễn Thanh Hương, sinh năm 1965

Trú tại: Số 29, ngõ 3, Chùa Thông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

18.6/ Bà Nguyễn Kim Thoa

Trú tại: 19 Đốc Ngữ, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Thoa là bà Chu Thị Tuyết Mậu*(theo giấy uỷ quyền ngày 17/6/2019)*

18.7/ Bà Nguyễn Thị Mai Anh

Trú tại: Ngõ Lò Gia, phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

18.8/ Bà Nguyễn Kim Oanh, sinh năm 1974

Trú tại: ngõ Rau, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Oanh là bà Chu Thị Tuyết Mậu*(theo giấy uỷ quyền ngày 17/6/2019)*

+ Phía bên bà Nguyễn Thị Tùng:

19. Ông Nguyễn Quang Trung, sinh năm 1957 (là chồng bà Tùng)

20. Chị Nguyễn Thu Thủy, sinh năm 1990

21. Chị Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1997, ng- ời đại diện hợp pháp cho chị Linh, ông Nguyễn Quang Trung (là bố đẻ)

Cùng cư trú: số 02/04 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

22. Anh Đỗ Nguyên Chúc, sinh năm 1980 (là con bà Tùng)

23. Chị Hồ Thị Huyền, sinh năm 1989 (là vợ anh Chúc)

24. Cháu Đỗ Nguyên Toàn, sinh ngày 12/01/2008

25. Cháu Đỗ Huyền Trang, sinh ngày 09/8/2012

(Cháu Toàn, cháu Trang là con anh Chúc; ng- ời đại diện hợp pháp cho cháu Trang, cháu Toàn là anh Đỗ Nguyên Chúc)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Quang Trung và chị Hồ Thị Huyền: anh Đỗ Nguyên Chúc *(theo giấy uỷ quyền ngày 15/8/2020 tại VPCC Du Quốc Hùng; địa chỉ: 179 Lê Lợi, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội).*

Cùng cư trú: tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội;

26. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1962, cư trú: số 03C, khu tập thể Chùa Mới, ph- ờng Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

(Bà Ngọc, bà Tùng là con cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng).

Bà Ngọc uỷ quyền cho anh Đỗ Nguyên Chúc *(theo giấy uỷ quyền ngày 30/01/2020 lập tại VPCC Chí Linh số 527A đường Bình Giã, phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.)*

27. UBND xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện của ông Chu Quảng C- cùng các nguyên đơn ủy quyền cho ông C-** gồm: Ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị H- ơng; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, anh Nguyễn Văn Thông, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy, chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Ph- ơng, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc, chị Lê Thị Hoa, ông Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Ph- ợng ủy quyền cho ông Chu Quảng C- đại diện trình bày:

Cụ Chu Văn Chang là bố đẻ ông C- , cụ Chang có 02 vợ. Vợ thứ nhất cụ Ngô Thị Tâm, vợ thứ hai cụ Nguyễn Thị Chợ, Cụ Chang chết năm 1960, cụ Tâm chết năm 1992. Cụ Chang cùng cụ Tâm sinh đ- ợc 05 ng- ời con: bà Chu Thị Thành, ông Chu Văn Sỹ, ông Chu Hải Học, ông Chu Tam Nông và ông Chu Quảng C- .

Cụ Trang cùng cụ Chợ sinh đ- ợc 01 ng- ời con bà Chu Thị Qui (bà Qui chết năm 2011) bà Qui có chồng ông Nguyễn Văn Bàng (chết) sinh đ- ợc 06 ng- ời con là anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Băng, Nguyễn Thị Tin, Nguyễn Huy Ph- ợng.

- Bà Chu Thị Thành (chết 1981) có 02 ng- ời chồng, chồng thứ nhất là ông Nguyễn Văn Gia (đã chết) sinh đ- ợc 01 ng- ời con là anh Nguyễn Văn Thông, chồng thứ hai là ông Lê Văn Thử (chết) sinh đ- ợc 05 ng- ời con: Anh Lê Văn Tiến, chị Lê Thị Hoa, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc.

- Ông Chu Văn Sỹ (chết 1987) có vợ là bà Phùng Thị Đào (chết) sinh đ- ợc 10 ng- ời con gồm: Chu Văn Hiệp, Chu Thị Dung, Chu Quang Tuấn, Chu Thị Khanh, Chu Thị H- ơng, Chu Văn Hùng, Chu Thị Nga; Chu Văn Bình, Chu Quang Hòa, Chu Quang Minh.

- Ông Chu Văn Bình là con ông Sỹ (chết năm 2010) có vợ là Kiều Thị V- ợng (chết) có 04 con là Chu Thị Huyền, Chu Quang Dũng, Chu Thị Thanh, Chu Thị Thu.

- Ông Chu Quang Minh là con ông Sỹ (chết năm 2006) có vợ là Nguyễn Thị Thảo, sinh đ- ợc 02 ng- ời con là Chu Quang Mạnh, Chu Thị Thanh Hằng.

- Ông Chu Quang Hòa là con ông Sỹ (chết năm 2009) có vợ là Nguyễn Thị Ph- ơng, sinh đ- ợc 02 ng- ời con là Chu Quang Hoàn, Chu Quang Huy.

Cụ Chang, cụ Tâm có thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m^2 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây; nay là Tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Hiện tại thửa đất này vẫn đứng tên cụ Chu

Văn Chang tại tờ bản đồ năm 1950 và sổ địa chính lập 1950 còn l- u giữ tại phòng Tài nguyên và Môi tr- ờng thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Khoảng năm 1948 bố mẹ ông C- cho vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp là bố mẹ đẻ ông Chu Ngọc Thìn (cụ Sơn là cháu cụ Chang) ở nhờ một phần đất của thửa đất 107, diện tích khoảng 262m^2; trên đất có 03 gian nhà tranh chát đất mái lợp lá và cho vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng, cụ Đô gọi cụ Chang là cậu (là bố mẹ đẻ bà Nguyễn Thị Tùng) ở nhờ một phần đất còn lại của thửa số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích khoảng 145m^2, trên đất có 01 nhà tranh vách đất. Khi cho ở nhờ nhà đất vì cụ Sơn, cụ Đô là con cháu trong gia đình nên không viết giấy tờ gì, đến năm 1982 theo yêu cầu của gia đình cụ Ngô Thị Tâm, ông Nguyễn Văn Đô đã viết giấy xác nhận ở nhờ đất của cụ Chu Văn Chang.

Năm 1983, vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp làm thêm nhà trên đất ở nhờ không đ- ợc sự đồng ý của cụ Tâm, nên ông Sỹ (là con đẻ cụ Tâm, cụ Chang) cùng cụ Tâm làm đơn gửi UBND xã Viên Sơn về việc không đồng ý cho cụ Giáp làm thêm nhà trên đất, UBND xã và Công an xã đến lập biên bản nh- ng cụ Giáp tiếp tục xây dựng, ông Chu Văn Sỹ đến đẩy đổ bức t- ờng đang xây dở. Cụ Giáp đã kiện ông Sỹ ra Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, Hà Nội đòi bồi th- ờng thiệt hại tài sản. Bản án sơ thẩm số 01/DSST ngày 12/04/1983 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn, Hà Nội nhận định "thửa đất số 107 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội đứng tên cụ Chu Văn Chang(bố ông Sỹ) vợ chồng cụ Tâm cho cụ Giáp ở nhờ" và Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây quyết định giao cho vợ chồng cụ Giáp đ- ợc sử dụng thửa đất số 107, đồng thời buộc ông Chu Văn Sỹ phải bồi thiệt hại tài sản là 1430 đồng. Ông Sỹ kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tại bản án Phúc thẩm số 144/PTDS ngày 02/05/1984 của Tòa án thành phố Hà Nội cũng nhận định "thửa đất số 107 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội đứng tên cụ Chu Văn Chang(bố đẻ ông Sỹ) khoảng năm 1948 cụ Chu Văn Chang cho gia đình bà Giáp và gia đình ông Đô làm nhà ở nhờ", việc Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây giải quyết việc bồi th- ờng hại về tài sản là đúng qui định của pháp luật. Còn việc "Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận bà Giáp được quyền sử dụng hợp pháp toàn bộ thửa đất số 107 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn là v- ợt quá thẩm quyền"; việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai gia đình là thuộc thẩm quyền của UBND địa ph- ơng. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định sửa bản án sơ thẩm cụ thể:

"1. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ngô Thị Giáp không yêu cầu ông Sỹ phải bồi th- ờng 1430đồng;

2. Thửa đất số 107 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, ông Sỹ bà Giáp có tranh chấp sẽ do UBND địa phương xem xét giải quyết và điều chỉnh".

Sau đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn số 42/DS ngày 20/6/1984 do Phó Chánh án Trần Văn Nho ký gửi UBND thị xã Sơn Tây đề nghị UBND thị xã Sơn Tây xem xét giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa gia đình cụ Tâm với gia đình cụ Giáp, nh- ng từ đó đến nay UBND thị xã Sơn Tây vẫn ch- a giải quyết.

Ngày 13/6/1984, UBND xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây báo gọi gia đình cụ Giáp và gia đình cụ Tâm đến trụ sở UBND xã để giải quyết việc tranh chấp đất đai, phía UBND xã có ông Nguyễn Văn C- - Phó chủ tịch UBND xã Viên Sơn, ông Phạm

Văn Tài là ng- ời giúp việc; có ông Thìn (là con cụ Giáp) và ông Sỹ (là con cụ Tâm).

Tại buổi làm việc UBND xã Viên Sơn đã "giao bà Ngô Thị Giáp được quyền sử dụng đất đang ở và tiếp tục xây dựng; ông Sỹ không có quyền sử dụng vì ông Sỹ đã có đất đai nhà cửa ngoài phố, nếu sau này Tòa án cấp trên giải quyết nh- thế nào thì địa phương sẽ căn cứ vào đó để giải quyết". Gia đình cụ Tâm không nhất trí vì UBND xã Viên Sơn không có thẩm quyền về việc giải quyết tranh chấp đất đai, việc này phải do UBND thị xã Sơn Tây giải quyết mới đúng thẩm quyền. Mặt khác, khi giải quyết thành phần tham gia của hai gia đình cụ Giáp và cụ Tâm ch- a đầy đủ theo qui định; ông Thìn và ông Sỹ không thể là ng- ời đại diện cho hai gia đình để đứng ra giải quyết đ- ợc, nên văn bản của UBND xã Viên Sơn lập ngày 13/6/1984 là không hợp pháp.

Năm 2001, thôn Thuần Nghệ đ- ợc sát nhập về UBND ph- ờng Quang Trung. Năm 2003, UBND thị xã Sơn Tây tổ chức đo đạc đất ở trên toàn địa bàn để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8 diện tích 405m^2 hiện tại do gia đình ông Chu Ngọc Thìn và gia đình bà Nguyễn Thị Tùng đang ở, nên sau khi đo đạc thửa đất số 107 đ- ợc tách ra làm 02 thửa mới và tờ bản đồ mới gồm: Thửa số 208, tờ bản đồ số 9 diện tích 262,7m^2 đứng tên ông Chu Ngọc Thìn; thửa số 247, tờ bản đồ số 9 diện tích 203m^2 đứng tên bà Phan Thị Tụng (là mẹ đẻ bà Tùng). Ông Học, ông C- làm đơn khiếu kiện gửi UBND ph- ờng Quang Trung đòi lại diện tích đất cho ở nhờ đối với ông Chu Ngọc Thìn và bà Nguyễn Thị Tùng, UBND ph- ờng Quang Trung đã nhiều lần tổ chức hòa giải kéo dài đến năm 2011 nh- ng không có kết quả. Diện tích đất 02 thửa theo bản đồ mới đo vẽ năm 2003 có chênh lệch so với diện tích thửa đất 107 bản đồ và sổ địa chính 1950 là do sai số trong đo vẽ. Ông C- đề nghị Tòa án căn cứ vào diện tích đất 405m^2 để giải quyết cho ông, phần diện tích đất d- ra ông không có yêu cầu gì. Ông Chu Quảng C- đ- ợc các thừa kế ủy quyền đại diện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hiền (vợ ông Thìn) cùng các con cháu của bà Hiền, ông Thìn và các thừa kế khác của cụ Sơn, cụ Giáp phải trả lại cho ông Chu Quảng C- cùng các thừa kế 245,7m^2 đất ở nhờ thuộc thửa số 248. Buộc vợ chồng anh Đỗ Nguyên Chúc cùng các con cháu bà Tùng và các thừa kế khác của cụ Tụng, cụ Đô phải trả lại 159,3m^2 đất ở nhờ thuộc thửa số 247. Còn nhà ở trên đất đã hỏng ông không yêu cầu gì. Trong thời gian vợ chồng cụ Sơn, cụ Giáp, vợ chồng ông Thìn và vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng, bà Tùng ở nhờ đất đã có công sức duy trì, tôn tạo đất ở, nên ông tự nguyện giao lại một nửa diện tích đất trên (Thửa 248 diện tích 245,7 : 2 = 122,85m^2 và thửa số 247 diện tích 159,3 : 2 = 79,65m^2) cho các thừa kế của vợ chồng cụ Sơn, Giáp và các thừa kế của vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng đ- ợc quyền sử dụng, các bên không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau. Còn số diện tích đất thực tế của thửa 247 là 199,4m^2, số diện tích dôi d- 40,1m^2 ông không có yêu cầu gì. Các cây cối, tài sản có trên phần đất các nguyên đơn đòi lại ông đồng ý thanh toán lại giá trị tiền theo giá của Hội đồng định giá đã xác định.

*** Bị đơn và những ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn phía ông Thìn đã chết ủy quyền cho bà Chu Thị Tuyết Mậu cùng các bà Chu Thị Mùi, Chu Thị Thơm, Chu Thị Dần thống nhất trình bày:**

Bố mẹ đẻ chúng tôi là cụ Chu Ngọc Sơn, sinh năm 1923 (đã chết), cụ Ngô Thị Giáp, sinh năm 1914 (đã chết) và sinh đ- ợc 05 ng- ời con là bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi, ông Chu Ngọc Thìn (đã chết) và bà Chu Thị Thơm. Các chị em gái lớn lên đi xây dựng gia đình và ở chỗ khác, còn lại ông Thìn ở lại phụng d- ỡng cha mẹ và lấy vợ là bà Nguyễn Thị Hiền, sinh đ- ợc 04 ng- ời con là Chu Anh Dũng, Chu Quang Thanh, Chu Thị Lan H- ơng, Chu Quang Anh.

Thửa đất số 248, diện tích 262,7m^2 tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội đứng tên ông Chu Ngọc Thìn (Bản đồ đo vẽ năm 2003). Về nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ bà (cụ Sơn, cụ Giáp) khai hoang từ năm 1948 làm nhà ở cho đến nay đã qua ba thế hệ. Sau khi bố mẹ bà mất không để lại di chúc, 05 anh chị em trong gia đình thỏa thuận giao cho vợ chồng ông Thìn, chị Hiền ở để làm nơi thờ cúng. Tài sản bố mẹ để lại gồm 03 gian nhà cấp 4 cũ (xây dựng năm 1974), 02 gian bếp cấp 4 cũ, 01 cây ổi to, 01 cây vú sữa to, 01 giếng n- ớc (đã lấp bỏ). Trong quá trình ở năm 2001, vợ chồng anh Chu Quang Thanh, chị Vũ Thị Lâm có xây dựng thêm 01 gian nhà cấp 4 (khoảng 20m^2), 01 nhà tắm + nhà vệ sinh. Ngoài ra, không có ai đóng góp hoặc xây dựng tài sản gì trên thửa đất của bố mẹ để lại. Hiện tại trên thửa đất có bà Hiền (vợ ông Thìn), vợ chồng anh Chu Quang Dũng, chị Tạ Thị Thu Thủy cùng 01 con là cháu Chu Anh Đức; vợ chồng anh Chu Quang Thanh, chị Vũ Thị Lâm cùng 03 con là cháu Chu Thanh Thảo, Chu Vũ Thảo Linh, Chu Vũ Bảo An đang sinh sống. Anh Chu Quang Anh kết hôn với chị Trần Thị Thu Thủy (chị Thủy đã chuyển khẩu vào xã Đức Tân, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận sinh sống); vợ chồng anh Chu Quang Anh, vợ chồng anh Dũng không có tài sản gì trên đất và cũng không có công sức đóng góp gì vào khối di sản của bố mẹ bà để lại. Chị H- ơng (con gái ông Thìn, bà Hiền) đã đi lấy chồng, không có công sức, tài sản gì trên đất. Còn bà Mùi, bà Dần, bà Thơm và bà Mậu đều đi xây dựng gia đình cũng không có tài sản gì trên thửa đất của bố mẹ để lại.

Năm 1974 bố mẹ tôi làm lại 03 gian nhà cấp 4 lợp ngói, 02 gian bếp cấp 4 khi đó không có tranh chấp gì. Năm 1982, bố mẹ tôi là cụ Sơn, cụ Giáp làm đơn xin phép UBND xã Viên Sơn xây thêm 02 gian cấp 4, khi xây dựng đến phần mái thì ông Chu Văn Sỹ là con của cụ Chang, cụ Tâm vào đập phá, gia đình tôi làm đơn trình báo Công an xã lập biên bản. Sau đó mẹ tôi kiện ông Sỹ ra Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây yêu cầu phải bồi th- ờng thiệt hại. Vụ án đã đ- ợc Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử. Ngày 13/6/1984 UBND xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây báo gọi gia đình cụ Giáp và gia đình cụ Tâm đến trụ sở UBND xã để giải quyết việc tranh chấp đất đai. UBND xã có ông Nguyễn Văn C- - Phó chủ tịch UBND xã Viên Sơn, ông Phạm Văn Tài là ng- ời giúp việc; có ông Thìn (là con cụ Giáp) và ông Sỹ (là con cụ Tâm). Tại buổi làm việc UBND xã Viên Sơn đã "giao bà Ngô Thị Giáp đ- ợc quyền sử dụng đất đang ở và tiếp tục xây dựng; ông Sỹ không có quyền sử dụng vì ông Sỹ đã có đất đai nhà cửa ngoài phố, nếu sau này Tòa án cấp trên giải quyết nh- thế nào thì địa ph- ơng sẽ căn cứ vào đó để giải quyết". Năm 2003, UBND ph- ờng Quang Trung đo vẽ thửa đất gia đình đang sử dụng để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất, thì ông C- , ông Học có đơn đòi nhà đất đối với ông Thìn. UBND ph- ờng cũng tổ chức hòa giải nhiều lần nh- ng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay bà Mậu, bà Mùi,

bà Dần không có tài liệu, chứng cứ gì khác bổ sung. Trong quá trình ở thửa đất vẫn giữ nguyên nh- cũ không mở rộng gì thêm, mà chỉ tôn tạo đổ đất cho cao lên trên mặt đ- ờng đi. Việc ông C- cùng các đồng thừa kế khởi kiện đòi lại nhà đất các bà không đồng ý, vì đất là do bố mẹ bà cụ Sơn, cụ Giáp khai hoang mà có, không mua của ai và cũng không ở nhờ của ai.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Tùng khi còn sống trình bày:** Bố mẹ đẻ bà Tùng là cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng, vợ chồng cụ Tụng sinh đ- ợc 02 ng- ời con là Nguyễn Thị Tùng, Nguyễn Thị Bích Ngọc. Thửa đất tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, hiện tại con trai bà Tùng là anh Đỗ Nguyên Chúc, cùng con dâu là chị Hồ Thị Huyền đang ở là thửa số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 203m^2(bản đồ đo vẽ năm 2003) đứng tên bà Phan Thị Tụng. Nguồn gốc thửa đất này là của vợ chồng cụ Chu Thị Tính, cụ Nguyễn Văn Đỗ chết để lại cho ng- ời con duy nhất là ông Nguyễn Văn Đô. Ông Đô kết hôn với bà Phan Thị Tụng và ở trên thửa đất của bố mẹ để lại. Vợ chồng cụ Tính, cụ Đỗ ở trên thửa đất đó từ năm 1945 hoặc 1946. Còn cụ Tính, cụ Đỗ có thửa đất này từ nguồn nào thì bà Nguyễn Thị Tùng không biết. Cụ Đô, cụ Tụng chết không để lại di chúc, tài sản để lại cho 02 con là bà Tùng, bà Ngọc gồm 203m^2 đất, 03 gian nhà cấp 4; 01 gian bếp cấp 4 (đều xây dựng từ năm 1974). Bà Nguyễn Thị Tùng có ng- ời chồng thứ nhất là ông Đỗ Nguyên Cách sinh đ- ợc 01 ng- ời con là Đỗ Nguyên Chúc. Năm 1980 ông Cách bị tai nạn chết; bà Tùng kết hôn với ông Nguyễn Quang Trung năm 1988 và sinh đ- ợc 02 ng- ời con là Nguyễn Thu Thủy, sinh năm 1990, Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1997. Năm 1988 bà Tùng chuyển về ở cùng chồng tại nhà số 02/04 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án bà Tùng xin đ- ợc tiếp tục sử dụng thửa đất và để giữ đ- ợc tình cảm bà đồng ý hỗ trợ cho phía gia đình ông Chu Quảng C- 100.000.000đ nh- ng ông C- không đồng ý. Tài sản của bố mẹ bà Tùng để lại ch- a chia cho ai. Bà Ngọc, bà Tùng tạm giao cho anh Đỗ Nguyên Chúc ở trông nom. Năm 2009, vợ chồng anh Chúc, chị Huyền có xây dựng thêm công trình phụ trên đất. Năm 2006, mẹ tôi có đến UBND ph- ờng Quang Trung xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất thì ông Chu Quảng C- có đơn kiện gửi UBND ph- ờng Quang Trung nói đất đó là của bố mẹ ông C- để lại. UBND ph- ờng tổ chức hòa giải kéo dài từ năm 2006 đến 2010 nh- ng không có kết quả. Trong quá trình bố mẹ bà Tùng ở có khai hoang mở rộng thêm đất ở phía cống Nứa (nay là rãnh n- ớc), còn sau này bà Tùng cùng con trai là Chúc ở, diện tích thửa đất vẫn giữ nguyên nh- cũ không cải tạo mở rộng gì thêm. Chồng bà là ông Nguyễn Quang Trung cùng hai con là cháu Trang và cháu Thu không có quyền lợi gì liên quan đến nhà đất đang tranh chấp và cũng không có tài sản gì trên thửa đất này. Việc gia đình ông Chu Quảng C- kiện đòi nhà đất cho ở nhờ bà không đồng ý, vì gia đình ông C- đòi không có cơ sở (BL 38, 39, 40, 41,42, 43, 171 hồ sơ thụ lý số 43/2013/TLST-DS ngày 05/11/2013).

*** Ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Tùng anh Đỗ Nguyên Chúc và ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Huyền trình bày:**

Tôi là con đẻ của bà Tùng, ông Đỗ Nguyên Cách, còn chị Hồ thị Huyền là con dâu. Bố tôi mất do tai nạn năm 1980. Bố mẹ tôi sinh đ- ợc 01 ng- ời con là tôi (Đỗ Nguyên Chúc), bố mẹ tôi không có con nuôi. Năm 1988, mẹ tôi kết hôn lần hai với ông Nguyễn Quang Trung có 02 ng- ời con là Nguyễn Thu Trang, sinh năm

1992 và Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1998. Sau khi kết hôn với ông Trung, mẹ tôi sống cùng ông Trung tại số 02/04 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây cho đến khi chết (ngày 26/11/2014). Nhà và đất ở hiện tại đang có tranh chấp với ông Chu Quảng C- là của các cụ để lại cho mẹ tôi và tôi sinh ra và lớn lên trên thửa đất này cho đến nay qua nhiều thế hệ. Năm 2009, vợ chồng tôi có xây lại công trình phụ. Thửa đất này đứng tên cụ Phan Thị Tụng (bản đồ đo vẽ năm 2002 do UBND ph- ờng Quang Trung quản lý). Mẹ tôi chết không để lại di chúc, tài sản để lại 01 nhà cấp 4 ba gian (nhà cũ), 01 bếp cấp 4 cũ đều xây dựng năm 1974 và một số cây ăn quả. Trong quá trình các cụ, mẹ anh và vợ chồng anh ở, diện tích thửa đất vẫn giữ nguyên nh- cũ không cải tạo mở rộng gì thêm. Ông Nguyễn Quang Trung cùng các con ông Trung không liên quan gì đến tài sản nhà đất đang tranh chấp và cũng không có đóng góp tài sản gì trên đất. Hiện tại trên thửa đất có vợ chồng anh Chúc cùng hai con anh Chúc, chị Huyền đang sinh sống. Việc ông Chu Quảng C- kiện đòi nhà đất cho ở nhờ đối với bà Nguyễn Thị Tùng anh không đồng ý, vì ông C- không có giấy tờ gì chứng minh.

*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc thống nhất trình bày:** Bố mẹ đẻ bà là ông Nguyễn Văn Đô, bà Phan Thị Tụng, bố mẹ bà có 02 ng- ời con là Nguyễn Thị Tùng, Nguyễn Thị Bích Ngọc. Thửa đất tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, hiện tại con trai bà Tùng là Đỗ Nguyên Chúc, cùng con dâu là Hồ Thị Huyền đang ở là thửa số 247, tờ bản đồ số 9 diện tích 203m^2 (bản đồ đo vẽ năm 2002) đứng tên bà Phan Thị Tụng. Nguồn gốc thửa đất này là của vợ chồng cụ Chu Thị Tính, cụ Nguyễn Văn Đỗ chết để lại cho ng- ời con duy nhất là ông Nguyễn Văn Đô. Ông Đô kết hôn với bà Phan Thị Tụng và ở trên thửa đất của bố mẹ để lại. Sau khi vợ chồng bà Tụng chết để lại cho 02 con là bà Tùng, bà Ngọc. Thời gian vợ chồng cụ Tính, cụ Đỗ ở trên thửa đất đó là từ năm 1945 hoặc 1946. Còn cụ Tính, cụ Đỗ có thửa đất trên từ nguồn nào thì bà Ngọc không biết. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc, tài sản để lại cho 02 con là Tùng và Ngọc gồm 203m^2 đất, 03 gian nhà cấp 4; 01 gian bếp cấp 4 (đều xây dựng từ năm 1974), tài sản trên ch- a chia cho ai, tạm thời giao cho anh Chúc ở trông coi. Quá trình các thế hệ ở và sau này là vợ chồng anh Chúc ở, diện tích thửa đất vẫn giữ nguyên nh- cũ không cải tạo mở rộng gì thêm. Nay ông Chu Quảng C- cùng gia đình ông C- kiện đòi nhà đất cho ở nhờ đối với bà Nguyễn Thị Tùng bà không đồng ý, vì gia đình ông C- đòi không có cơ sở. Việc ông C- xuất trình 01 tờ giấy nội dung ghi ông Nguyễn Văn Đô nhận ở nhờ đất của cụ Chu Văn Chang là không đúng, vì ông Đô là ng- ời không biết chữ không thể viết đ- ợc; chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, lý do vì ông Đô không biết chữ, nên không có chứng cứ gốc là chữ viết của ông Đô để giám định (BL 44, 45, 46, 47; hồ sơ thụ lý số 43/2013/TLST-DS ngày 05/11/2013).

*** Ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Tùng là ông Nguyễn Quang Trung(là chồng) cùng hai con Nguyễn Thu Trang, Nguyễn Thị Thu thống nhất trình bày:** Ông Nguyễn Quang Trung kết hôn với bà Nguyễn Thị Tùng năm 1988. Sau kết hôn vợ chồng sống tại huyện Phúc Thọ một thời gian, sau đó về sống tại số 02/04 phố Hoàng Diệu, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây cho đến khi bà Tùng chết (ngày 26/11/2014). Bà Tùng chết không để lại di chúc. Ông và bà Tùng có 02 con là Nguyễn Thu Trang, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1998.

Hiện tại 02 con đang ở với ông Trung. Trong thời gian sống chung với bà Tùng ông ch- a lần nào ở trên thửa đất đang tranh chấp và bố con ông cũng không có tài sản, công sức gì, đồng thời cũng không liên quan gì đến vụ án ông C- kiện đòi nhà đất cho ở nhờ đối với bà Tùng. Bố con ông Trung xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, định giá tài sản do Tòa án tổ chức và xin vắng mặt tại phiên tòa khi Tòa án xét xử. Sau khi xét xử xong thông báo lại cho bố con ông biết. Bố con ông Trung cam kết không có thắc mắc gì (BL: 186, 187, 188, 189, 190; hồ sơ thụ lý số 43/2013/TLST-DS ngày 05/11/2013).

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/201/DSST ngày 18/8/2014 của TAND Thị xã Sơn Tây đã quyết định như sau:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Chu Quảng C-, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị H- ơng; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, ông Nguyễn Văn Thông, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy, chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Ph- ơng, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc, chị Lê Thị Hoa, anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Ph- ợng do ông Chu Quảng C- đ- ợc ủy quyền đại diện về việc đòi nhà đất cho ở nhờ đối với bà Nguyễn Thị Tùng(ngày 26/11/2014 bà Tùng chết), anh Đỗ Nguyễn Chúc, ông Nguyễn Quang Trung, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh là ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Tùng), chị Hồ Thị Huyền(vợ anh Chúc) và chị Nguyễn Thị Bích Ngọc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Chu Quảng C-, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị H- ơng; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, ông Nguyễn Văn Thông, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy, chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Ph- ơng, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc, chị Lê Thị Hoa, anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Ph- ợng do ông Chu Quảng C- đ- ợc ủy quyền đại diện về việc đòi nhà đất cho ở nhờ đối với ông Chu Ngọc Thìn(ông Thìn chết ngày 25/8/2013; bà Nguyễn Thị Hiền, anh Chu Quang Anh, anh Chu Anh Dũng, anh Chu Quang Thanh, chị Chu Thị Lan H- ơng là ng- ời thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Thìn), bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Dần, bà Chu Thị Thơm, bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Đỗ Thị Sửu, chị Tạ Thị Thu Thủy(là vợ anh Dũng), chị Vũ Thị Lâm(là vợ anh Chu Quang Thanh).

3. Xác nhận cụ Chu Văn Chang chết năm 1960, cụ Ngô Thị Tâm, chết năm 1992 và cụ Nguyễn Thị Chợ, đã chết không để lại di chúc.

4. Xác nhận cụ Chang, cụ Tâm, cụ Chợ có các ng- ời con gồm: Ông Chu Quảng C-, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Sỹ, bà Chu Thị Thành và bà Chu Thị Qui.

5. Xác nhận cụ Chu Văn Chang có thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m^2 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, nay là tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, đã đ- ợc tách thành hai thửa gồm thửa số 248 tờ bản đồ số 9 diện tích 245,7m^2 và thửa số 247 tờ bản đồ số 9 diện tích 199,4m^2

6. Chấp nhận việc tự nguyện của ông Chu Quảng C- là ng- ời đ- ợc ủy quyền đại diện để lại cho các thừa kế của cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp đ- ợc tiếp tục sử dụng phần đất của thửa 248 (-2) bản đồ số 9, diện tích 122,85m^2 và để lại cho các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng đ- ợc quyền sử dụng phần đất của thửa 247 (-2) tờ bản đồ số 9 diện tích 119,4m^2 , địa chỉ hai thửa đất trên tại Tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, các thừa kế không phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất.

7. Buộcbà Nguyễn Thị Hiền, anh Chu Anh Dũng, chị Tạ Thị Thu Thủy (Cháu Chu Anh Đức là con anh Dũng, chị Thủy), anh Chu Quang Thanh, chị Vũ Thị Lâm, (cháu Chu Thanh Thảo, cháu Chu Vũ Thảo Linh, cháu Chu Vũ Bảo An là con anh Thanh, chị Lâm), chị Chu Thị Lan H- ơng, anh Chu Quang Anh, chị Trần Thị Thu Thủy, (cháu Chu Thiên Bảo là con anh Chu Quang Anh, chị Thủy), bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Thơm, bà Đỗ Thị Sửu phải trả lại 122,85m^2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9, diện tích 245,7m^2 tại tổ 53 Thuận Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các đồng nguyên đơn ủy quyền cho ông Chu Quảng C- đại diện đ- ợc quyền sử dụng chung, đ- ợc ký hiệu là thửa 248 (-1);

- Giao 122,85m^2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9, diện tích 245,7m^2 tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các thừa kế của vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp gồm: bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Thơm, bà Đỗ Thị Sửu, ông Chu Ngọc Thìn (ông Thìn chết thì các con của ông Thìn đ- ợc h- ởng thừa kế kỷ phần của ông Thìn) đ- ợc quyền sử dụng chung, đ- ợc ký hiệu thửa 248 (-2);

- Ông Nguyễn Quang Trung, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh, anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, (cháu Đỗ Nguyên Toàn, cháu Đỗ Huyền Trang là con anh Chúc, chị Huyền), bà Nguyễn Thị Bích Ngọc phải trả lại 79,65m^2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4m tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các đồng nguyên đơn ủy quyền cho ông Chu Quảng C- đại diện đ- ợc quyền sử dụng chung, đ- ợc ký hiệu thửa 247(-1);

- Giao 119,75m^2 đất ở đô thị còn lại thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4m^2 tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng gồm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, bà Nguyễn Thị Tùng (bà Tùng chết thì ông Nguyễn Quang Trung là chồng bà Tùng và các con bà Tùng gồm anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh đ- ợc h- ởng kỷ phần thừa kế của bà Tùng) đ- ợc đồng quyền sử dụng chung, đ- ợc ký hiệu thửa 247(-2).

- Giao cho ông Chu Quảng C- đại diện cho các nguyên đơn đ- ợc sở hữu tài sản có trên thửa đất 248 (-1) gồm 01 cây vũ sữa, 01 cây hồng xiêm và tài sản có trên thửa đất 247 (-1) gồm 01 cây vú sữa, 01 cây khế, 01 cây xoài, 01 nhà bán mái

không có t- ờng, xung quang bao l- ới B40, mái lợp tôn, cột bằng thép. Ông C- đại diện cho các nguyên đơn phải thanh toán tiền tài sản trên đất thửa đất số 248(-1) cho bà Nguyễn Thị Hiền là 450.000đ và tài sản trên thửa đất 247(-1) là 6.873.000đ cho anh Đỗ Nguyên Chúc.*(Có sơ đồ đất cụ thể kèm theo bản án).*

- Anh Đỗ Nguyên Chúc phải có nghĩa vụ di chuyển gồm: 01 cây nhang, 01 máy điều hòa trên phần đất thửa 247 (-1) sang phần đất thửa 247 (-2).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án, ngày 24/8/2015 những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Tùng (bị đơn) là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, không chấp nhận yêu cầu đòi nhà đất cho ở nhờ của ông Cư vì tài liệu xuất trình của ông Cư không có căn cứ.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Ngọc Thìn (bị đơn) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Hiền, Chu Thị Tuyết Mậu, Chu Thị Minh Dần, Chu Thị Mùi, Chu Thị Thơm có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì bố mẹ các bà đã khai hoang đất, làm nhà và ở ổnđịnh, liên tục từ năm 1948 đến nay. Gia đình đã hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước, đã đăng ký tên trong sổ mục kê, sổ địa chính từ những năm nhà nước có chính sách quản lýđất đai từ năm 1992 cho đến nay; Không chấp nhận yêu cầu đòi đất của phía nguyên đơn vì ông Chu Quảng Cư tự nhận là đất do bố ông để lại, tài liệu xuất trình là bản đồ năm 1950 không có giá trị pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việcgiải quyết vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Mậu, bà Dần, bà Mùi, bà Thơm, bà Hiền khẳng định gia đình phía bị đơn đã ở trên đất từ năm 1948 đến nay công khai, liên tục, gia đình đã hoàn thành nghĩa vụđối với nhà nước, đã đăng ký tên trong sổ mục kê, sổ địa chính từ những năm nhà nước có chính sách quản lý đất đai từ năm 1992 cho đến nay. Tranh chấp đất chỉ xảy ra vào năm 1983. Căn cứ Hiến pháp năm 1980 và Điều 247 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào bản đồ và sổ mục kê năm 1950 đứng tên cụ Chu Văn Chang và các tài liệu, nhân chứng khác có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía ông Chu Quảng Cư và các đồng thừa kế khác đối với bị đơn trong

việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ.

- Ngày 08/07/2013, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây thụ lý vụ án dân sự số 24/2013/TLST- DS giữa các nguyên đơn do ông Chu Quảng C- là ng- ời đ- ợc ủy quyền đại diện về việc "đòi nhà đất cho ở nhờ" với bị đơn ông Chu Ngọc Thìn, trú tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây;

- Ngày 05/11/2013 Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây thụ lý tiếp vụ án dân sự thứ hai số 43/2013/TLST-DS giữa các nguyên đơn ông Chu Quảng C- là ng- ời được ủy quyền đại diện về việc "đòi nhà đất cho ở nhờ" với bị đơn bà Nguyễn Thị Tùng trú tại tổ 53 Thuần Nghệ, ph- ờng Quang Trung, thị xã Sơn Tây.

Sau khi thu thập tài liệu, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây xác định:do có cùng một quan hệ pháp luật "đòi nhà đất cho ở nhờ"; nhà đất đang tranh chấp trong hai vụ án cùng địa chỉ và đều thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8 đứng tên cụ Chu Văn Chang là bố đẻ ông Chu Quảng C- nên căn cứ vào khoản 1 Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 18/8/2014 Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã Quyết định nhập hai vụ án trên thành vụ án dân sự sơ thẩm số 24/2014/QĐNVA-DS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của các đương sự:

Bà Chu Thị Tuyết Mậu cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông Chu Ngọc Thìn kháng cáo và cho rằng nguồn gốc thửa đất hiện tại ông Chu Quảng Cư đại diện đòi là do bố mẹ ông khai hoang từ năm 1948 và làm nhà ở cho đến nay đã qua nhiều thế hệ. Ngày 13/6/1984, UBND xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây báo gọi gia đình cụ Giáp và gia đình cụ Tâm đến trụ sở UBND xã để giải quyết việc tranh chấp đất đai, biên bản thể hiện UBND xã Viên Sơn đã "giao bà Ngô Thị Giáp được quyền sử dụng đất đang ở và tiếp tục xây dựng; ông Sỹ không có quyền sử dụng vì ông Sỹ đã có đất đai nhà cửa ngoài phố, nếu sau này Tòa án cấp trên giải quyết như thế nào thì địa phương sẽ căn cứ vào đó để giải quyết".

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Tùng (bịđơn) là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu đòi nhà đất cho ở nhờ của ông Cư vì tài liệu xuất trình của ông Cư không có căn cứ. Theo bà Nguyễn Thị Tùng (khi còn sống), bà Nguyễn Thị Bích Ngọc và anh Đỗ Nguyên Chúc trình bày thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 203m2 đứng tên cụ Phan Thị Tụng (bản đồ năm 2003) trên đất có 01 nhà cấp 4 (xây dựng năm 1974), công trình, cây cối có nguồn gốc là thửa đất của cố Tính, cố Đỗ chết để lại cho vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng. Sau khi chết cụ Tụng để lại cho con là Nguyễn Thị Tùng, Nguyễn Thị Bích Ngọc, hiện tại vợ chồng anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền cùng các con anh Chúc đang ở. Còn về nguồn gốc thửa đất do đâu mà có thì không rõ.

Nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, lời khai của các đương sự có trong hồ sơ thì khoảng năm 1948 vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp ở một phần đất của thửa đất 107,(nay là thửa 248 do vợ chồng ông Thìn, bà Hiền đang ở, diện tích đo thực tế là 245,7m^2) và vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng (là bố mẹ đẻ bà Nguyễn Thị Tùng) ở phần đất còn lại của thửa số 107 (nay là thửa số 247 do vợ chồng anh Đỗ Nguyên Chúc là con bà Nguyễn Thị Tùng đang ở, diện tích đo thực tế là 199,4m^2). Toàn bộ kiến trúc hiện nay đều do phía các gia đình bị đơn tạo dựng nên, đều xin phép và được chính quyền địa phương cho phép xây dựng.

Quá trình sử dụng không xảy ra tranh chấp, chỉ đến năm 1983 khi vợ chồng cụ Sơn và cụ Giáp (bố mẹ đẻ phía bị đơn ông Thìn) làm thêm nhà trên đất thì xảy ra tranh chấp giữa ông Sỹ (con cụ Chang), ông Sỹ đạp đổ tường của gia đình cụ Giáp vì cho rằng đất của bố ông là cụ Chang để lại. Cụ Giáp đã kiện ông Chu Văn Sỹ ra Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội đòi bồi th- ờng thiệt hại tài sản.

- Theo bản án sơ thẩm số 01/1983/DSST ngày 12/04/1983 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây đã quyết định: giao cho vợ chồng cụ cụ Sơn, cụ Giáp đ- ợc sử dụng thửa đất số 107, đồng thời buộc ông Chu Văn Sỹ phải bồi thiệt hại tài sản là 1430 đồng.

- Ông Sỹ kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tại bản án phúc thẩm số 144/PTDS ngày 02/05/1984 của Tòa án thành phố Hà Nội đã Quyết định sửa bản án sơ thẩm cụ thể:

"1. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Ngô Thị Giáp không yêu cầu ông Sỹ phải bồi th- ờng 1430đồng;

2. Thửa đất số 107 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, ông Sỹ bà Giáp có tranh chấp sẽ do UBND địa phương xem xét giải quyết và điều chỉnh".

Ngày 20/6/1984 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn số 42/DS gửi UBND thị xã Sơn Tây đề nghị UBND thị xã Sơn Tây xem xét giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa gia đình cụ Ngô Thị Tâm (cụ Tâm là vợ cụ Chang) với gia đình cụ Ngô Thị Giáp.

Ngày 13/6/1984, UBND xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây báo gọi gia đình cụ Giáp và gia đình cụ Tâm đến trụ sở UBND xã để giải quyết việc tranh chấp đất đai và lậpbiên bản, nội dung biên bản thể hiện: UBND xã Viên Sơn đã "giao bà Ngô Thị Giáp đ- ợc quyền sử dụng đất đang ở và tiếp tục xây dựng; ông Sỹ không có quyền sử dụng vì ông Sỹ đã có đất đai nhà cửa ngoài phố, nếu sau này Tòa án cấp trên giải quyết như thế nào thì địa phương sẽ căn cứ vào đó để giải quyết".

Xét, biên bản họp ngày 13/6/1984 do UBND xã Viên Sơn lập giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa gia đình cụ Giáp và gia đình cụ Tâm, thì thời điểm này cụ Chu Văn Chang đã chết nên phát sinh thừa kế, ông Chu Văn Sỹ không có giấy ủy quyền của cụ Tâm và các con của cụ Chang, nên ông Sỹ không thể đại diện đứng ra giải quyết được. Mặt khác, đây chỉ là ý kiến của UBND xã trong cuộc họp, sau đó UBND xã Viên Sơn không có quyết định nào về việc giao đất cho gia đình cụ Giáp, nên xét về hình thức văn bản không đảm bảo theo qui định của pháp luật; xét về nội dung văn bản trên thấy không đúng qui định của pháp luật, vì thẩm quyền giải

quyết vụ việc này thuộc thẩm quyền của UBND thị xã Sơn Tây (tứclà UBND cấp huyện).

Mặt khác tại biên bản làm việc ngày 11/10/2019, Uỷ ban xã Viên Sơn cung cấp: Năm 1985 xã Viên Sơn có một đợt cấp đất giãn dân theo Quyết định số 562/QĐ-UB ngày 22/8/1985 của Uỷ ban thị xã Sơn Tây kèm theo danh sách cấp đất làm nhà ở cho xã viên năm 1985. Qua kiểm tra danh sách không có tên cụ Ngô Thị Giáp hay cụ Chu Ngọc Sơn được cấp đất, giao đất. Trước năm 1984 có việc cấp đất cho dân hay không thì Uỷ ban không nắm được vì tại Uỷ ban không có hồ sơ, sổ sách gì về việc này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được và văn bản do UBND thị xã Sơn Tây và phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sơn Tây cung cấp cho Tòa án thể hiện: Từ năm 1984 đến nay chưa có tài liệu, chứng cứ nào về việc UBND thị xã Sơn Tây đã xem xét giải quyết về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình cụ Tâm và gia đình cụ Giáp .

- Biên bản xác minh ngày 11/3/2014, UBND phường Quang Trung cung cấp: Nguồn gốc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m2 tại Thuần Nghệ, xã Viên Sơn (nay là thôn Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây) đứng tên cụ Chu Văn Chang. Theo thông tin mà UBND phường nắm được thì cụ Chang đã cho vợ chồng cụ Giáp và vợ chồng cụ Đô ở nhờ tại thửa đất trên; thửa đất này tách ra thành 2 thửa, theo Sổ mục kê của phường thì cụ Thìn đứng tên thửa số 248, diện tích 262,7m2, cụ Tụng đứng tên thửa số 247, diện tích 203m2, đều thuộc tờ bản đồ số 9 đo vẽ năm 2003.

- Biên bản làm việc ngày 30/01/2018, Phòng tài nguyên và Môi trường thị xã Sơn Tây đã cung cấp: Tờ bản đồ số 8, trong đó có thửa số 107 (góc bản đồ có ghi Địa chính Bắc Việt- thị xã Sơn Tây), Sổ địa chính và điền bộ thị xã Sơn Tây thể hiện thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m2 đất ở, đứng tên chủ đất là Chu Văn Chang, đăng ký theo đơn khai nhận ngày 29/11/1950.

Căn cứ Khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003có đủ cơ sở để xác định nguồn gốc thửa đất 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m2 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, nay là tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội là của cụ Chu Văn Chang.

Quá trình giải quyết vụ ánvà xét xử tại phiên tòa phúc thẩm, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Tùng (bị đơn) là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Ngọc Thìn (bị đơn) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Hiền, Chu Thị Tuyết Mậu, Chu Thị Minh Dần, Chu Thị Mùi, Chu Thị Thơm giữ nguyên kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, kháng cáo là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại biên bản hòa giải bà Tùng đồng ý hỗ trợ cho phía gia đình ông Cư 100.000.000 đồng nhưng các đương sự cũng không rõ tại sao cố Tính, cố Đỗ có thửa đất trên.

Vì vậy, chỉ có căn cứ để xác định thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 203m2 đứng tên cụ Phan Thị Tụng (bản đồ năm 2003) trên đất có 01 nhà cấp 4 (xây dựng năm 1974), công trình, cây cối tại tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn là của cụ Chu Văn Chang cho vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng ở nhờ, chứ không phải của cố Tính, cố Đỗ để lại cho cụ Nguyễn Văn Đô. Đối với thửa đất số 248 diện tích 262,7m2 (đo vẽ năm 2003) tại tổ 53 thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây là diện tích đất của cụ Chu Văn Chang cho vợ chồng cụ Sơn, cụ Giáp ở nhờ, không phải do của cụ Sơn, cụ Giáp khai hoang mà có.

Từ những nhận định nêu trên, có đủ cơ sở xác định thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9, diện tích 262,7m2 đứng tên ông Chu Ngọc Thìn và thửa đấtsố 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 203m2 đứng tên cụ Phan Thị Tụng có nguồn gốc từ thửa đất 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m2 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, nay là tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội là của cụ Chu Văn Chang cho vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp và vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đô, Phan Thị Tụng ở nhờ từ năm 1948.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Quảng Cư- người được các nguyên đơn ủy quyền đại diện là có căn cứ nên được chấp nhận, nhận định và quyết định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Kết quả xem xét thẩm định hiện trạng diện tích của Thửa đất 248 đo đạc thực tế là 245,7m2 và thửa đất 247 là 199,4m2. So với thửa 107, tờ bản đồ số 8 lập năm 1950 có sự chênh lệch về diện tích là 40,1m2.

Nguyên đơn ông Chu Quảng Cư đại diện cho các nguyên đơn khác chỉ đề nghị Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 405m^{2}của thửa 107, tờ bản đồ số 8, không yêu cầu đối với phần diện tích đất dôi ra. Các đương sự cùng trình bày thửa đất ở của mỗi bên vẫn giữ nguyên như cũ, không mở rộng gì thêm.

Xét, trên thực tế thì thửa đất số 248, diện tích 245,7m2 có 02 cạnh giáp đường đi, một cạnh giáp thửa 264, một cạnh giáp thửa 247, ổn định không có tranh chấp, diện tích giữ nguyên như ý kiến trình bày của các đương sự là có cơ sở. Đối với thửa 247 có một cạnh giáp đường đi, một cạnh giáp thửa 262, một cạnh giáp thửa 248, một cạnh giáp cống Nứa (nay là Rãnh nước). Bà Tùng và những người làm chứng trình bày quá trình ở vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng có mở rộng thêm phần đất phía cống Nứa (nay là rãnh nước). Vì vậy, có cơ sở để xác định số diện tích chênh lệch 40,1m2 nằm trong thửa 247. Quá trình sử dụng theo địa phương cung cấp không có tranh chấp với các hộ xung quanh, không vi phạm qui hoạch, sử dụng ổn định.

Hội đồng xét xử chỉ xem xét diện tích đất của Cụ Chang để lại cho các thừa kế là 405m2của thửa 107, tờ bản đồ số 8. Nay là hai thửa có hiện trạng diện tích đo thực tế của thửa số 248 là 245,7m2 và thửa số 247 là 199,4m2 (Trong đó thửa 247 diện tích đất cụ Chang cho cụ Tụng ở nhờ là 159,3m2, còn lại 40,1m2 là do vợ chồng cụ Tụng mở rộng thêm).

[2.3]. Xét yêu cầu của ông Cư là người được các nguyên đơn ủy quyền đại diện là có cở sở, nên buộc bà Nguyễn Thị Hiền (vợ ông Thìn) cùng vợ chồng anh Chu Quang Dũng cùng các con anh Dũng; vợ chồng anh Chu Quang Thanh và các

con anh Thanh đang sinh sống trên thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9, diện tích 245,7m2 tại Tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung cùng các thừa kế khác là bà Mậu, bà Dần, bà Mùi, bà Thơm con của vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp (bao gồm cả những người có tên trong sổ hộ khẩu) phải trả lại 245,7m2 đất ở nhờ. Buộc vợ chồng anh Đỗ Nguyên Chúc (con bà Tùng), chị Hồ Thị Huyền (vợ anh Chúc) cùng các con anh Chúc hiện đang ở trên thửa đất và bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (bao gồm cả những người có tên trong sổ hộ khẩu) đang sinh sống trên thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4m2 tại Tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung phải trả lại 159,3m2 đất ở nhờ cho các con của cụ Chang, cụ Tâm, cụ Chợ được hưởng thừa kế gồm: Bà Chu Thị Thành; ông Chu Văn Sỹ; ông Chu Hải Học; ông Chu Tam Nông; ông Chu Quảng Cư. (Bà Chu Thị Qui và chồng bà Qui đã chết thì 06 người con của bà Qui là anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Phượng được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của bà Qui. Bà Chu Thị Thành và chồng (đã chết) thì 06 người con của bà Thành gồm anh Nguyễn Văn Thông; anh Lê Văn Tiến, chị Lê Thị Hoa, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của bà Thành. Ông Chu Văn Sỹ cùng vợ (đã chết) thì 09 người con gồm anh Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị Hương, anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga; anh Chu Văn Bình, anh Chu Quang Hòa, anh Chu Quang Minh được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của ông Sỹ. Trong số các con của ông Sỹ có anh Bình (chết năm 2010) và vợ anh Bình chị Kiều Thị Vượng (chết) thì 04 người con là Chu Thị Huyền, Chu Quang Dũng, Chu Thị Thanh, Chu Thị Thu được hưởng thừa kế thế vị kỷ phần của bố là Chu Văn Bình; anh Chu Quang Minh là con ông Sỹ (chết năm 2006) thì vợ anh Minh là chị Trần Thị Thảo cùng 02 người con của anh Minh là Chu Quang Mạnh, Chu Thị Thanh Hằng được hưởng thừa kế kỷ phần của anh Minh. Anh Chu Quang Hòa là con của ông Sỹ (chết năm 2009) thì vợ là chị Nguyễn Thị Phương cùng 02 người con là Chu Quang Hoàn, Chu Quang Huy được hưởng kỷ phần thừa kế của Chu Quang Hòa.

Trong thời gian ở nhờ nhà đất, vợ chồng cụ Sơn, cụ Giáp, vợ chồng ông Thìn và vợ chồng cụ Đô, cụ Tụng, bà Tùng, anh Chúc đã có công sức duy trì, tôn tạo đất ở nhờ. Ông Chu Quảng Cư được ủy quyền đại diện cho các nguyên đơn tự nguyện: Đối với thửa đất số 248 diện tích 245,7m2, ông Cư đòi lại một nửa diện tích đất bằng 122,85m2. Đối với thửa số 247diện tích 159,3m2, ông Cư đòi lại một nửa bằng 79,65m2. Số diện tích đất còn lại của hai thửa đất trên ông Cư đồng ý giao lại cho các thừa kế của vợ chồng cụ Sơn, cụ Giáp và các thừa kế của cụ Đô, cụ Tụng được quyền sử dụng, các bên không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau.

Xét sự tự nguyện của ông Cư đại diện cho các nguyên đơn là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Như vậy, thửa 248 tờ bản đồ số 9 diện tích 245,7m2, được tách ra làm hai thửa gồm: Thửa số 248(-1) diện tích 122,85m2 trả lại cho các nguyên đơn do ông Chu Quảng Cư làm đại diện; thửa số 248(-2) diện tích 122,85m2 đất giao cho các thừa kế của cụ Sơn, cụ Giáp gồm bà Dần, bà Thơm, bà Mùi, bà Mậu, ông Thìn (ông Thìn chết năm 2014 không để lại di chúc thì vợ ông Thìn là bà Nguyễn Thị Hiền

cùng 04 người con của ông Thìn là Chu Quang Anh, Chu Anh Dũng, Chu Quang Thanh và Chu Thị Lan Hương hưởng thừa kế kỷ phần của ông Thìn) được quyền sử dụng.

Thửa số 247 tờ bản đồ số 9 diện tích 199,4m2 cũng được tách làm hai thửa gồm: Thửa số 247(-1) diện tích 79,65m2 đất trả lại cho các nguyên đơn do ông Chu Quảng Cư làm đại diện; thửa số 247(-2) diện tích 119,75m2 đất giao cho các thừa kế của cụ Tụng, cụ Đô được quyền sử dụng gồm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, bà Nguyễn Thị Tùng (bà Tùng chết năm 2014 không để lại di chúc thì các thừa kế của bà Tùng gồm ông Nguyễn Quang Trung (là chồng bà Tùng) và các con bà Tùng là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh được hưởng thừa kế kỷ phần của bà Tùng) được quyền sử dụng.

Thực tế, đây là việc các đồng thừa kế kiện đòi lại tài sản là đất cho ở nhờ đối với các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đồng thừa kế khác đang chiếm giữ; đây là trường hợp được qui định tại điểm b, tiểu mục 2.4, mục 2, phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 58/NQ-UBTVQH 10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để áp dụng giải quyết.

Hiện trên thửa đất số 248(-1) diện tích 122,85m2 trả lại cho các nguyên đơn do ông Chu Quảng Cư đại diện có 01 gian nhà cấp 4 của cụ Sơn, cụ Giáp để lại nhà cũ (xây năm 1974) quá thời gian sử dụng, nên Hội đồng định giá tài sản không có cơ sở để định giá. Do vậy, không có căn cứ để buộc ông Cư cùng các nguyên đơn phải thanh toán giá trị tài sản. Ngoài ra, trên đất còn có 01 cây vú sữa trị giá 350.000đ, 01 cây hồng xiêm trị giá 100.000đ. Tổng cộng là 450.000đ, buộc ông Chu Quảng Cư đại diện cho các nguyên đơn phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Hiền số tiền trên.

Còn thửa đất số 247(-1) diện tích 79,65m2 trả lại cho ông Chu Quảng Cư đại diện cho các nguyên đơn trên diện tích đất có 01 gian nhà cấp 4 của cụ Tụng, cụ Đô để lại do nhà dựng từ năm 1974 đã quá thời gian sử dụng, Hội đồng định giá tài sản không có cơ sở để định giá, nên cũng không có căn cứ để buộc ông Cư cùng các nguyên đơn phải thanh toán giá trị tài sản. Tại gian nhà này vợ chồng anh Chúc có lắp đặt 01 máy điều hòa nhiệt độ, vợ chồng anh Chúc phải có trách nhiệm tự tháo dỡ máy điều hòa của mình. Ngoài ra, trên đất còn có 01 cây vú sữa trị giá 150.000đ, 01 cây khế 120.000đ, 01 cây xoài 350.000đ, 01 nhà bán mái không có tường, xung quang bao lưới B40, mái lợp tôn, cột bằng thép trị giá 6.253.000đ; và 01 cây nhang. Giao cho ông Cư đại diện cho các nguyên đơn sở hữu các cây ăn quả và nhà bán mái trên, ông Cư đại diện cho các nguyên đơn phải thanh toán lại cho anh Chúc 6.873.000đ giá trị tài sản có trên đất. Riêng cây nhang vợ chồng anh Chúc phải có nghĩa vụ di chuyển sang thửa đất 247(-2).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn là ông Chu Quảng C- ,ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, anh Chu Văn Hiệp, anh Nguyễn Văn Thông, chị Nguyễn Thị Đào, anh Nguyễn Ngọc Bảo; bà Nguyễn Thị Hiền (ng- ời thừa kế quyền và

nghĩa vụ của ông Chu Ngọc Thìn) là những ngườitrên 60 tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội.

Đối với các nguyên đơn khác gồm: chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị H- ơng; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy,chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Ph- ơng, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc, chị Lê Thị Hoa, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Ph- ợng do ông Chu Quảng C- là người đại diện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Tùng (bị đơn) là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Ngọc Thìn (bị đơn) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Hiền, Chu Thị Tuyết Mậu, Chu Thị Minh Dần, Chu Thị Mùi, Chu Thị Thơm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Áp dụng Nghị quyết số 58/NQ-UBTVQH 10 ngày 20/8/1998 của ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b, tiểu mục 2.4, mục 2, phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b, khoản 10, mục I Thông tư số 01/1999/TTLT-TATC-VKSTC; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQHngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội về án phí, lệ phí, Điều 2 Luật người cao tuổi;

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Tùng (bị đơn) là anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc và kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Ngọc Thìn (bị đơn) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hiền, bà Chu Thị Tuyết Mậu, Chu Thị Minh Dần, Chu Thị Mùi, Chu Thị Thơm.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2015/DSST ngày 18/8/2015 của Toà án thị xã Sơn Tây, Hà Nội về phần án phí và quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Chu Quảng Cư, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị Hơng; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, ông Nguyễn Văn Thông, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy, chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Phương, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị

Ngọc, chị Lê Thị Hoa, anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Phượng do ông Chu Quảng Cư được ủy quyền đại diện về việc đòi nhà đất cho ở nhờ đối với bà Nguyễn Thị Tùng (ngày 26/11/2014 bà Tùng chết), anh Đỗ Nguyên Chúc, ông Nguyễn Quang Trung, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Tùng), chị Hồ Thị Huyền(vợ anh Chúc) và chị Nguyễn Thị Bích Ngọc;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ông Chu Quảng Cư, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Hiệp, chị Chu Thị Dung, anh Chu Quang Tuấn, chị Chu Thị Khanh, chị Chu Thị Hương; anh Chu Văn Hùng, chị Chu Thị Nga, ông Nguyễn Văn Thông, chị Chu Thị Thanh Hằng, anh Chu Quang Mạnh, anh Chu Quang Hoàn, anh Chu Quang Huy, chị Chu Thị Thu, chị Chu Thị Huyền, chị Chu Thị Thanh, anh Chu Quang Dũng, anh Lê Văn Tiến, chị Nguyễn Thị Thảo, chị Nguyễn Thị Phương, chị Lê Thị Lan, chị Lê Thị Sinh, chị Lê Thị Ngọc, chị Lê Thị Hoa, anh Nguyễn Ngọc Bảo, anh Nguyễn Mạnh Hùng, chị Nguyễn Thị Đào, chị Nguyễn Thị Băng, chị Nguyễn Thị Tin, anh Nguyễn Huy Phượng do ông Chu Quảng Cư được ủy quyền đại diện về việc đòi nhà đất cho ở nhờ đối với ông Chu Ngọc Thìn (ông Thìn chết ngày 25/8/2013; bà Nguyễn Thị Hiền, anh Chu Quang Anh, anh Chu Anh Dũng, anh Chu Quang Thanh, chị Chu Thị Lan Hương là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Thìn), bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Dần, bà Chu Thị Thơm, bà Chu Thị Tuyết Mậu, những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Đỗ Thị Sửu (đã chết),chị Tạ Thị Thu Thủy(là vợ anh Dũng), chị Vũ Thị Lâm (là vợ anh Chu Quang Thanh).

3. Xác nhận cụ Chu Văn Chang, chết năm 1960; cụ Ngô Thị Tâm, chết năm 1992 và cụ Nguyễn Thị Chợ đã chết không để lại di chúc.

4. Xác nhận cụ Chang, cụ Tâm, cụ Chợ có các người con gồm: Ông Chu Quảng Cư, ông Chu Tam Nông, ông Chu Hải Học, ông Chu Văn Sỹ, bà Chu Thị Thành và bà Chu Thị Qui.

5. Xác nhận cụ Chu Văn Chang có thửa đất số 107, tờ bản đồ số 8, diện tích 405m2 tại thôn Thuần Nghệ, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, nay là tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, đã được tách thành hai thửa gồm thửa số 248 tờ bản đồ số 9 diện tích 245,7m2; và thửa số 247 tờ bản đồ số 9 diện tích 199,4m2;

6. Chấp nhận việc tự nguyện của ông Chu Quảng Cư là người được ủy quyền đại diện để lại cho các thừa kế của cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp được tiếp tục sử dụng phần đất của thửa 248 (-2) bản đồ số 9 diện tích 122,85m2; và để lại cho các thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng được quyền sử dụng phần đất của thửa 247 (-2) tờ bản đồ số 9 diện tích 119,4m2; địa chỉ hai thửa đất trên tại Tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, các thừa kế không phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất.

7. Buộc:

-Bà Nguyễn Thị Hiền, anh Chu Anh Dũng, chị Tạ Thị Thu Thủy(Cháu Chu Anh Đức là con anh Dũng, chị Thủy), anh Chu Quang Thanh, chị Vũ Thị Lâm, (cháu Chu Thanh Thảo, cháu Chu Vũ Thảo Linh, cháu Chu Vũ Bảo An là con anh

Thanh, chị Lâm), chị Chu Thị Lan Hương, anh Chu Quang Anh, chị Trần Thị Thu Thủy,(cháu Chu Thiên Bảo là con anh Chu Quang Anh, chị Thủy), bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Thơm, những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Đỗ Thị Sửu (đã chết) phải trả lại 122,85m2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9 trên diện tích 245,7m2 tại tổ 53 Thuận Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các đồng nguyên đơn ủy quyền cho ông Chu Quảng Cư đại diện được quyền sử dụng chung, được ký hiệu là thửa 248 (-1) **(Được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6, 17,1)**

- Giao 122,85m2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 9 trên diện tích 245,7m2 tại tổ 53 Thuận Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các thừa kế của vợ chồng cụ Chu Ngọc Sơn, cụ Ngô Thị Giáp gồm bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi, bà Chu Thị Thơm, bà Đỗ Thị Sửu, ông Chu Ngọc Thìn *(ông Thìn chết thì các con của ông Thìn đượchưởng thừa kế kỷ phần của ông Thìn*) được quyền sử dụng chung, được ký hiệu thửa 248 (-2); **(Được giới hạn bởi các điểm 16,17,6,7,8,16)**

- Ông Nguyễn Quang Trung, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh, anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền,(cháu Đỗ Nguyên Toàn, cháu Đỗ Huyền Trang là con anh Chúc, chị Huyền), bà Nguyễn Thị Bích Ngọc phải trả lại 79,65m2 đất ở đô thị thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9 trên diện tích 199,4m2 tại tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các đồng nguyên đơn ủy quyền cho ông Chu Quảng Cư đại diện được quyền sử dụng chung, được ký hiệu thửa 247(-1); **(Được giới hạn bởi các điểm 14,15,16,8,9,14)**

- Giao 119,75m2 đất ở đô thị còn lại thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 9, trên diện tích 199,4m2 tại tổ 53 Thuần Nghệ, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, Hà Nội cho các thừa kế của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đô, cụ Phan Thị Tụng gồm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, bà Nguyễn Thị Tùng (*bà Tùng chết thì Nguyễn Quang Trunglà chồng bà Tùng và các con bà Tùng gồm anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Nguyễn Thu Thủy, chị Nguyễn Ngọc Linh đượchưởng kỷ phần thừa kế của bà Tùng*) được đồng quyền sử dụng chung, được ký hiệu thửa 247(-2).**(Được giới hạn bởi các điểm 13,14,15,16,8,9,10,11,12,13).**

- Giao cho ông Chu Quảng Cư đại diện cho các nguyên đơn được sở hữu tài sản có trên thửa đất 248 (-1) gồm 01 cây vũ sữa, 01 cây hồng xiêm; và tài sản có trên thửa đất 247 (-1) gồm 01 cây vú sữa, 01 cây khế, 01 cây xoài, 01 nhà mái không có tường, xung quang bao lới B40, mái lợp tôn, cột bằng thép. Ông Cư đại diện cho các nguyên đơn phải thanh toán tiền tài sản trên đất thửa đất số 248(-1) cho bà Nguyễn Thị Hiền là 450.000đ; và thanh toán tài sản trên thửa đất 247(-1) là 6.873.000đ cho anh Đỗ Nguyên Chúc.

(Có sơ đồ đất cụ thể kèm theo).

- Anh Đỗ Nguyên Chúc phải có nghĩa vụ di chuyển gồm: 01 cây nhang, 01 máy điều hòa trên phần đất thửa 247 (-1) sang phần đất thửa 247 (-2).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hiền, anh Đỗ Nguyên Chúc có đơn yêu cầu thi hành án ông Chu Quảng Cư là người được các nguyên đơn ủy quyền đại diện phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 486 Bộ luật dân sự.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Chu Quảng Cư đại diện cho các nguyên đơn phải nộp 3.436.500đ án phí, được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí ông Cư đã nộp tại biên lai thu số 0982 ngày 05/11/2013; và 200.000đ tiền tạm ứng án phí biên lai thu số 0845 ngày 08/07/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Ông Cư đại diện cho các nguyên đơn còn phải chịu 3.036.000đ án phí.

Anh Đỗ Nguyên Chúc phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hiền là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị Hiền, bà Chu Thị Tuyết Mậu, bà Chu Thị Minh Dần, bà Chu Thị Mùi là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Hiền, Mậu, bà Dần, bà Mùi mỗi người 200.000đ tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại các biên lai số AL/2010/0008667 (bà Hiền), AL/2010/0008668 (bà Mậu), AL/2010/0008665 (bà Dần), AL/2010/000866 (bà Mùi) cùng ngày 24/8/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây.

Do sửa án sơ thẩm nên anh Đỗ Nguyên Chúc, chị Hồ Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, bà Chu Thị Thơm không phải chịu án phí DSPT. Hoàn trả anh Chúc, chị Huyền, bà Ngọc, bà Thơm mỗi người 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AL/2010/0008662, AL/2010/0008663, AL/2010/0008664 cùng ngày 24/8/2015 và biên lai số AL/2010/0008671 (bà Thơm) nộp ngày 27/8/2015 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xử công khai, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát TP Hà Nội;
- Chi cục THADS thị xã Sơn Tây;
- Toà án thị xã Sơn Tây;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THỘM PH□N - CH□ T□A PHIÊN TĐA